

Số:89/2023/QĐST-HNGĐ

BG, ngày 05 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1973.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1965.

Đều địa chỉ: Số 192, đường MĐ, phường MĐ, thành phố BG, tỉnh BG.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/4/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu H và ông Trần Ngọc L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Trần Ngọc L có hai con chung là Trần Ngọc Ph, sinh ngày 21/11/2000 và Trần Ngọc Q, sinh ngày 06/8/2008. Đối với con chung Trần Ngọc Ph, sinh ngày 21/11/2000 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên bà H, ông L không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Trần

Ngọc Q, sinh ngày 06/8/2008 thuộc đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng, không đi lại được, không tự chăm sóc được bản thân nên bà H và ông L thỏa thuận bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Q.

Ông Trần Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2023.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà Trần Thị Thu H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002234 ngày 19/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG. Xác nhận bà Trần Thị Thu H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- CCTHADS TP BG;
- VKSND TP BG;
- Các đương sự;
- UBND p. MĐ, TP.BG, tỉnh BG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn PH Thảo

